

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/KDTM - ST
Ngày 17 - 5 - 2022
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Tường Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Thanh Diện
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thục Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Quốc Trọng - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2021/TLST-KDTM ngày 23 tháng 02 năm 2021, về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 02 Láng Hạ, phường L, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Đăng K - Giám đốc Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Quảng Trạch Bắc Quảng Bình.

Người được ủy quyền lại: Ông Bùi Văn T - Giám đốc phòng giao dịch H - Ngân hàng N, Chi nhánh huyện Quảng Trạch Bắc Quảng Bình. Có mặt.

Bị đơn: Ông Hoàng L - Sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị Vân, sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, bản tự khai, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để kinh doanh làm ăn nên ngày 07/11/2018, ông Hoàng L đã ủy quyền cho bà Hoàng Thị V ký kết Hợp đồng tín dụng số 3804LAV201806774/HĐTD ngày 09/11/2018 với ngân hàng N (A) để vay số tiền 1.500.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay là 9%/năm, phương thức trả nợ: trả nợ gốc 1 kỳ, trả vào ngày 09/9/2019, trả lãi 6 tháng/lần (trả vào ngày 30)

Để bảo đảm cho khoản vay trên ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3426046/2018/HĐTC ngày 07/11/2018 với Ngân hàng Agribank, Hợp đồng thế chấp được Ủy ban nhân dân xã Q chứng thực ngày 07/11/2018, số công chứng 149/2018, quyền số 01/2018; đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B ngày 07/11/2018, tài sản bảo đảm là thửa đất số 231, tờ bản đồ số 4, diện tích 150m² tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877303, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00102 QSDĐ/69/QĐUB, do UBND huyện Q cấp ngày 21/01/1999 đứng tên hộ ông Hoàng L.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V không trả được được đồng nào nợ gốc và lãi. Đến ngày 11/9/2019, ông L, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 17/5/2022, ông L, bà V còn dư nợ tại Ngân hàng A tổng số tiền là 2.156.876.712 đồng, trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 475.643.836 đồng, nợ lãi quá hạn là 181.232.876 đồng. Ngân hàng A đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng ông Long, bà Vân vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, cố tình trốn tránh và đã bỏ đi khỏi địa phương. Nay ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc ông L, bà V phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/5/2022 là 2.156.876.712 đồng.

Trường hợp ông L, bà V không trả được nợ thì Ngân hàng A đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 3426046/2018/HĐTC ngày 07/11/2018 để thu hồi nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập các đương sự đến tham gia giải quyết vụ án nhiều lần nhưng chỉ có nguyên đơn có mặt, phía bị đơn đều vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của ông

L, bà V được. Theo kết quả xác minh tại UBND xã Q thì ông L, bà V hiện không có mặt tại địa phương. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng liên quan đối với ông L, bà V theo quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử và niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng giấy triệu tập đến phiên tòa vào ngày 25 tháng 6 năm 2021, nhưng ông L, bà V không có mặt để giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Ngày 13/7/2021 Tòa án tiếp tục mở phiên tòa lần hai, niêm yết công khai Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đến phiên tòa nhưng ông L, bà V vẫn tiếp tục vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, tại phiên tòa xét thấy cần xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định tạm ngừng phiên tòa. Ngày 12/8/2021, Tòa án tiếp tục mở phiên tòa nhưng lý do để tạm ngừng phiên tòa chưa khắc phục được nên Hội đồng xét xử ra Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án. Ngày 05/4/2022, lý do tạm ngừng phiên tòa đã khắc phục được nên ngày 06/4/2022 Tòa án ban hành Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án, đến ngày 09/5/2022, Tòa án thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 17/5/2022.

Tại phiên tòa, đại diện Ngân hàng A rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành việc thông báo, triệu tập của Tòa án gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 30; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; các Điều 116, 117, 398, 401, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A, buộc ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V phải trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/5/2022 số tiền là

2.156.876.712 đồng, trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 475.643.836 đồng, nợ lãi quá hạn là 181.232.876 đồng cho Ngân hàng A.

Đình chỉ yêu cầu của Ngân hàng A, về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3426046/2018/HĐTC ngày 07/11/2018.

Buộc ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V phải nộp án phí theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Ngân hàng A có đơn khởi kiện ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V, hiện tại ông L, bà V có hộ khẩu thường trú tại xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

- Về sự vắng mặt của bị đơn: Tại phiên tòa vắng mặt ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V nhưng xét thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng ông L và bà V vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vụ án vắng mặt ông L, bà V.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét Hợp đồng tín dụng số 3804LAV201806774/HĐTD ngày 09/11/2018, được ký kết giữa Ngân hàng A với ông L, bà V về hình thức và nội dung đều tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 116, 117, 398, 401 Bộ luật Dân sự. Vì vậy, đây là hợp đồng hợp pháp, là căn cứ để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên. Theo đó, ngân hàng A đã giải ngân cho ông L, bà V vay số tiền 1.500.000.000 đồng. Quá trình thực hiện Hợp đồng ông L, bà V không không trả được đồng nào nợ gốc và nợ lãi. Mặc dù ngân hàng A đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn nhưng ông L, bà V vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 17/5/2022 ông L, bà V còn dư nợ tại Ngân hàng A tổng số tiền là 2.156.876.712 đồng, trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 475.643.836 đồng, nợ lãi quá hạn là 181.232.876 đồng. Vì vậy, ông L, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm Hợp đồng đã ký kết, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Do đó, ngân hàng A khởi kiện yêu cầu ông L, bà V phải trả toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 17/5/2022 với tổng số tiền là 2.156.876.712 đồng là có căn cứ và phù hợp

với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng và các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận.

[2]. Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3426046/2018/HĐTC ngày 07/11/2018, ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 4, diện tích 150 m² tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P877303, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00102 QSDĐ/69/QĐUB, do UBND huyện Quảng Trạch cấp ngày 21/01/1999 đứng tên hộ ông Hoàng L để đảm bảo cho khoản vay trên. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông L, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng A yêu cầu Tòa án tuyên quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thửa đất trên được cấp cho hộ gia đình ông Hoàng L. Sổ hộ khẩu hộ gia đình ông L gồm có 5 thành viên gồm: vợ chồng ông L, bà V; các con là Hoàng L, sinh năm 1996, Hoàng Thị Y, sinh năm 2001 và Hoàng Long N, sinh năm 2009. Tại công văn số 1833/CATXBD ngày 17/6/2021 của Công an thị xã B lại xác nhận tính từ thời điểm ngày 08/7/2016, hộ gia đình ông Hoàng L gồm có 5 thành viên như đã nêu trên, ngoài ra còn có thêm con gái là Hoàng Thị K, sinh năm 1993 nhưng chị Hoàng Thị K đã chuyển hộ khẩu về nhà chồng từ ngày 08/7/2016, còn anh Hoàng L đã tách hộ khẩu đến hộ 1951 từ ngày 27/7/2018. Thời điểm hộ ông Hoàng L được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất là năm 1999 thì trong hộ của ông gồm có 4 thành viên là ông L, bà V, con Hoàng Thị K, sinh năm 1993 và con Hoàng L, sinh năm 1996. Do hai con là Hoàng Thị K và Hoàng L đã tách và chuyển hộ khẩu trước thời điểm ông L và bà V thế chấp quyền sử dụng đất cho Ngân hàng nên chỉ còn lại hai thành viên nằm trong diện được cấp đất là ông L và bà V. Mặc khác, tại Công văn ngày 05/7/2016 của UBND xã Q xác định: thửa đất số 231, tờ bản đồ số 4, tại thôn V, xã Q, huyện Q (nay là thị xã B), tỉnh Quảng Bình cấp cho hộ ông Hoàng L là chỉ cấp cho ông L, bà V chứ các con của ông L, bà V không có liên quan gì. Do vậy, thửa đất trên thuộc quyền sử dụng của ông L và bà V. Vì vậy, Hợp đồng thế chấp được chứng thực và được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật.

Qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 231, tờ bản đồ số 4, tại thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình mà ông L, bà V đã thế chấp cho ngân hàng theo Hợp đồng thế chấp số 3426046/2018/HĐTC ngày 07/11/2018 thì thửa đất này được cấp cho ông Hoàng Văn L (Hoàng L) và bà Hoàng Thị L, còn gia đình ông

Hoàng L và bà Hoàng Thị V hiện đang sử dụng thửa đất số 308, tờ bản đồ số 8 thôn V, xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình và thửa đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Mặt khác, tại Công văn số 41/CN-VPĐK ĐĐ ngày 05/4/2022, về việc cung cấp thông tin hồ sơ lưu trữ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã B xác định: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hoàng L, bà Hoàng Thị V và ông Hoàng L, bà Hoàng Thị L có sự trùng số thửa.

Tại phiên tòa hôm nay, sau khi hỏi, làm rõ các vấn đề liên quan đến việc thế chấp tài sản, đại diện Ngân hàng đã rút yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đình chỉ yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 3426046/2018/HĐTC ngày 07/11/2018 của ngân hàng A.

[3] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, xét thấy cần thiết phải tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ nên ngân hàng A đã nộp 2.000.000 đồng để phục vụ cho Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ. Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A được chấp nhận nên ông L, bà V phải nộp 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng A theo quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 75.137.500 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trả lại toàn bộ số tiền 33.237.945 đồng tạm ứng án phí cho Ngân hàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, khoản 1 Điều 157, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 116, 117, 398, 401, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng ngân hàng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vắng mặt bị đơn ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V

2. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ngân hàng N, buộc ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V phải trả cho ngân hàng N số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (17/5/2022) là 2.156.876.712 đồng, trong đó nợ gốc 1.500.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 475.643.836 đồng, nợ lãi quá hạn là 181.232.876 đồng.

3. Đình chỉ yêu cầu của ngân hàng N, về việc xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3426046/2018/HĐTC ngày 07/11/2018 được ký kết giữa Ngân hàng N và ông Hoàng L, bà Hoàng Thị V

4. Về chi phí tố tụng: Xử buộc ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V phải nộp 2.000.000 đồng tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ để trả lại cho Ngân hàng N.

5. Về án phí: buộc ông Hoàng L và bà Hoàng Thị V phải nộp 75.137.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 33.237.945 đồng đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007051 ngày 22/10/2020.

6. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (17/5/2022) cho đến khi thanh toán hết nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

7. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (đối với người có mặt) và trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án (đối với người vắng mặt).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Tưởng Thị Hà

